TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2022/DS-PT
Ngày: 20/01/2022
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Loan

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Mỹ Nhung

2. Ông Lại Huỳnh Tú

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Từ Thanh Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 23 tháng 12 năm 2021 và ngày 20 tháng 1 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4007/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11169/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12065/2021/QĐPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà ĐTTH, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 463 ML, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà CTL, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Số 76 Đường số 17, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/3/2016)

2. Bị đơn: Bà ĐTD, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Số 165/7A4 đường VT, Phường 8, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông LVT, sinh năm 1961; (có mặt)

3.2. Bà LLH, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 165/7A4 Đường VT, Phường 8, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

3.3. Ông NQC, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn MK, xã T2, huyện PQ, tỉnh BT.

3.4. Bà LMV, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 165/7A4 Đường VT, Phường 8, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà ĐTTT, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 133/39A Đường VT, Phường 8, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông THHM, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 471 đường ML, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bà ĐTD – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2016; Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là Đỗ Thị Thùy Hương và thông qua người đại diện theo ủy quyền là Bà CTL trình bày*:

Vào ngày 14/10/2015, Bà ĐTTH có cho chị ruột là Bà ĐTD mượn số tiền 10.000 USD (mười ngàn đô la Mỹ) tương đương 220.000.000 đồng để bà ĐTD kinh doanh mua bán tạo thu nhập cho gia đình. Bà ĐTD đã nhận đủ số tiền này. Theo thỏa thuận, thời hạn mượn là 36 tháng, mỗi tháng bà ĐTD phải trả cho bà ĐTTH số tiền 6.112.000 đồng. Nếu hàng tháng bà ĐTD không trả nợ đúng thỏa thuận thì xem như vi phạm thỏa thuận và phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đã mượn cho bà ĐTTH. Số tiền bà ĐTTH cho bà ĐTD mượn là tiền riêng của bà ĐTTH, không phải tài sản chung của vợ chồng.

Tuy nhiên, từ ngày mượn tiền đến ngày bà ĐTTH khởi kiện là 05 tháng nhưng bà ĐTD chỉ trả cho bà ĐTTH được 10.000.000 đồng (tương đương 450,5 USD). Bà ĐTTH đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà ĐTD vẫn cố tình không trả với lý do không có tiền và còn né tránh không gặp bà ĐTTH.

Quá bức xúc vì bà ĐTD không giữ chữ tín nên bà ĐTTH nộp đơn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận A yêu cầu bà ĐTD trả 10.000 USD đã mượn (theo biên bản hòa giải ngày 21/3/2016 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận A lập). Bà ĐTD thừa nhận có nhận 10.000 USD của bà ĐTTH. Tuy nhiên, bà ĐTD

không trả nợ nên bà ĐTTH nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà ĐTD phải trả số tiền còn nợ là 9.549,50 USD tương đương 210.000.000 đồng (theo tỷ giá tại thời điểm cho vay là 22.000 đồng/USD). Thời hạn trả: trả một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn là bà ĐTD trình bày:

Tháng 9 năm 2013, bà có vay của bà ĐTTH số tiền 10.000 USD, có viết giấy vay tiền ngày 14/9/2013. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 5 năm, cho trả góp hàng tháng tổng số tiền 370 USD bao gồm: Tiền nợ gốc là 170 USD và tiền lãi là 200 USD. Tiền lãi sẽ tính theo số tiền nợ gốc còn nợ trên thực tế.

Thực tế trong số tiền vay 10.000 USD nêu trên, bà vay 7.500 USD, bà ĐTTT vay 2.500 USD. Tuy nhiên, bà ĐTTH lại bắt các bà phải chịu phí dịch vụ chuyển tiền về Việt Nam là 500 USD, trong đó bà chịu 400 USD, bà LVTchịu 100 USD. Do vậy, bà chỉ thực nhận có 7.100 USD và bà Thu Trang thực nhận chỉ có 2.400 USD. Bà và bà LVTtự phân chia số tiền nợ gốc và lãi trả góp hàng tháng cho bà ĐTTH, cụ thể bà trả 270 USD/tháng và bà LVT trả 100 USD/tháng. Hàng tháng, bà LVTsẽ đưa tiền cho bà trả cho bà ĐTTH. Việc phân chia số tiền vay do bà và bà LVT tự thỏa thuận với nhau. Tuy nhiên, chỉ mình bà là người ký giấy vay tiền ngày 14/9/2013 với bà ĐTTH. Do đó, bà có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho bà ĐTTH, không yêu cầu bà LVT có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà ĐTTH.

Sau khi vay tiền, bà đã thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà ĐTTH như sau:

- *Năm thứ nhất*: Từ tháng 10/2013 đến tháng 4/2014, bà đã trả góp cho bà ĐTTH số tiền 370 USD mỗi tháng, không có biên nhận trả tiền. Từ tháng 5/2014 đến tháng 9/2014, theo yêu cầu của bà ĐTTH, bà đã chuyển tiền nợ gốc và tiền lãi cho ông NQC, là em trai bà NVV(người đang chung sống như vợ chồng với bà ĐTTH tại Mỹ). Do đó, chồng bà là ông LVT và con gái của bà là bà LLH đã thay bà chuyển khoản qua tài khoản của ông NQC tại Ngân hàng Agribank số tiền 63.509.000 đồng (việc bà ĐTTH yêu cầu bà chuyển tiền cho ông NQC chỉ nói qua điện thoại, không có tin nhắn hay văn bản nên bà không có tài liệu chứng minh). Tại bản tự khai ngày 11/8/2016, ông NQC thừa nhận có chuyển tiền cho bà NVV toàn bộ số tiền 63.509.000 đồng. Như vậy, trong năm vay thứ nhất, bà đã trả cho bà ĐTTH tổng số tiền 4.440 USD.

- *Năm vay thứ hai:* Từ tháng 10/2014 đến tháng 9/2015, số tiền trả góp nợ gốc và lãi hàng tháng là 329 USD, bao gồm: tiền nợ gốc là 159 USD, tiền lãi là 170 USD. Tuy nhiên, do cuộc sống khó khăn nên bà chỉ thanh toán được 9 tháng. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi bà đã thanh toán cho bà ĐTTH trong năm vay thứ hai là 3.074,6 USD, tương đương 66.565.090 đồng. Toàn bộ số tiền trên, bà cũng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của ông NQC theo yêu cầu của bà ĐTTH, cụ thể: Ông LVT chuyển khoản 42.748.000 đồng, bà LLH chuyển

khoản số tiền còn lại. Sau đó, ngày 18/3/2015 bà và bà ĐTTH chốt nợ thì số tiền nợ còn lại của năm thứ hai (theo phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận) là 18.929.000 đồng. Trừ đi một số khoản tiền ma chay, cưới hỏi mà bà đã chi trả thay cho bà ĐTTH khi bà ĐTTH không có mặt ở Việt Nam là 6.970.000 đồng. Như vậy, số nợ gốc và lãi trong năm thứ hai bà còn nợ lại là 11.959.000 đồng, bà không nhớ là bao nhiêu USD.

- *Năm vay thứ ba:* Theo bà ĐTTH tính thì năm vay thứ nhất bà đã trả được 170 USD x 12 tháng = 2.040 USD; năm vay thứ hai bà đã trả được 159 USD x 12 tháng = 1.908 USD. Tổng cộng, bà đã trả được 3.948 USD. Số nợ gốc còn lại là: 10.000 USD – 3.948 USD = 6.052 USD.

Ngoài ra, vào ngày 12/9/2014 bà có làm giấy vay thêm của bà ĐTTH số tiền 70.000.000 đồng, bà ĐTTH yêu cầu quy thành 3.333 USD. Cộng tiếp số tiền bà phải trả là 6.052 USD + 3.333 USD + 500 USD = 9.887 USD. Nhưng bà ĐTTH bắt bà viết giấy nhận nợ mới là 10.000 USD vào khoảng tháng 8/2015 nhưng ghi ngày ký nhận nợ là ngày 14/10/2015 để tiện theo dõi, phù hợp với giấy vay tiền ban đầu năm 2013.

Góp cả vốn và lãi là 350 USD/ tháng, thời hạn trả góp là 36 tháng, số tiền còn lại 128 USD/tháng sẽ cộng dồn thanh toán vào đợt cuối, giao cho ông THHM là chỗng cũ của bà ĐTTH phụ trách thu tiền góp này. Từ tháng 10/2015 đến tháng 02/2016, tổng số tiền bà đã trả là 590 USD.

Khi khởi kiện, bà ĐTTH chỉ thừa nhận đã nhận của bà số tiền 10.000.000 đồng là không đúng. Vào ngày 13/11/2015, ông THHM là chồng cũ của bà ĐTTH có ký nhận của bà số tiền 4.750.000 đồng trả góp cho số tiền bà mượn nêu trên, bà yêu cầu được xét trừ vào số tiền mượn.

Trong bản tự khai của ông NQC, ông NQC có thừa nhận là đã nhận tiền của chồng bà số tiền 63.509.000 đồng và chuyển giao cho ông LMV. Bà yêu cầu Tòa án xem xét cấn trừ số tiền mà bà đã giao cho ông NQC vào số tiền nợ gốc và lãi mà bà còn nợ bà ĐTTH.

Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng vay tiền giữa bà và bà ĐTTH là vô hiệu. Bà đồng ý hoàn trả lại số tiền đã nhận là 10.000 USD, sau khi khấu trừ đi số tiền bà đã thanh toán cho bà ĐTTH và những người do bà ĐTTH chỉ định nhận tiền (ông NQC, ông HM) là 8.980 USD. Tổng số tiền bà còn nợ lại là 1000 USD (tương đương 22.000.000 đồng). Bà yêu cầu được trả trong khoảng thời gian là 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông LVT trình bày: Năm 2014, ông có thay mặt vợ ông là Bà ĐTD nhiều lần chuyển khoản qua Ngân hàng cho ông NQC để trả nợ cho bà ĐTTH (theo yêu cầu của bà ĐTTH), mỗi lần chuyển số tiền tương đương 370 USD. Từ tháng 10/2014, con gái ông là LLH thay bà ĐTD chuyển khoản cho ông NQC.

Bà LLH trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông LVT. Từ cuối năm 2014 đến năm 2015 bà đã chuyển khoản qua Ngân hàng cho ông NQC 03

lần, mỗi lần số tiền tương đương 330 USD, có chứng từ của Ngân hàng còn lưu lại.

Ông NQC trình bày: Ông là em trai bà NVV(người hiện đang chung sống với bà ĐTTH). Năm 2013, ông LMV có cho con gái bà ĐTD là bà LMV mượn số tiền 9.500 USD, không tính lãi. Sau đó, ông LMV nhờ ông nhận giúp số tiền mà bà LMV chuyển trả nợ cho ông LMV, nên khi nhận được số tiền 63.509.000 đồng do ông LVT, bà LLH chuyển khoản cho ông qua Agribank Chi nhánh P để trả nợ cho bà Vân thì ông đã chuyển toàn bộ số tiền này cho ông LMV.

Do đó, nay ông không còn liên quan gì đến số tiền ông LVT, bà LLHchuyển khoản cho ông và ông không biết ĐTDlà ai, ông không liên quan gì đến đến hợp đồng vay giữa bà ĐTD và bà ĐTTH. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Bà LMV trình bày: Bà là con gái của Bà ĐTD, năm 2013 bà là người liên lạc qua facebook với Bà ĐTTH và bà NVVđể nhận số tiền 10.000 USD mà bà ĐTTH hứa cho ĐTDvay. Sau khi liên lạc được thì bà NVVđã chuyển khoản qua Ngân hàng cho bà hai lần với tổng số tiền 9.500 USD. Cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 14/9/2013 với số tiền 2.000 USD và lần thứ hai vào ngày 16/9/2013 với số tiền 7.500 USD.

Sau khi nhận tiền, thì bà ĐTD nhận 7.100 USD, bà LVT nhận 2.400 USD. Ngoài ra, bà không liên quan gì đến số tiền được nhận nên không liên quan gì đến vụ án tranh chấp giữa bà ĐTTH và bà ĐTD. Bà yêu cầu được giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Bà CTL trình bày: Bà ĐTTH giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện.

Vụ án đã qua hai cấp xét xử của Tòa án, Tòa án cấp sơ thẩm lần thứ nhất đã chấp nhận yêu cầu của bà ĐTTH buộc bà ĐTD có trách nhiệm trả lại cho bà ĐTTH số tiền 9.549,50 USD.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm nhận định rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố đối với số tiền 63.509.000 đồng mà bà ĐTD cho rằng đã chuyển cho ông NQC để trả nợ cho bà ĐTTH cũng như số tiền gốc và lãi đã trả cho bà ĐTTH 4.440 USD nên đã hủy bản án sơ thẩm.

Việc bà ĐTD yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu phản tố và số tiền gốc và lãi nêu trên là hoàn toàn không có căn cứ, bởi những lẽ sau:

Thứ nhất, bà ĐTD cho rằng đã chuyển số tiền 63.509.000 đồng cho ông NQC để trả nợ cho bà ĐTTH nhưng bà ĐTD không chứng minh được số tiền chuyển cho ông NQC là để trả nợ cho bà ĐTTH. Hơn nữa, bà ĐTTH cũng không ủy quyền cho ông NQC thay mặt bà ĐTTH để nhận tiền của ĐTD. Bà ĐTTH khẳng định không nhận số tiền này.

Thứ hai, bà ĐTD cho rằng đã trả số tiền gốc và lãi cho bà ĐTTH là 4.440 USD từ năm 2014, 2015 là xuất phát từ khoản vay năm 2013 là không đúng sự

thật. Thực tế, bà ĐTTH chỉ cho bà ĐTD mượn tiền theo giấy nhận nợ ngày 14/10/2015 và bà ĐTD cũng thừa nhận số nợ này chứ không phải năm 2013 như bà ĐTD trình bày.

Qua hai cấp xét xử, bà ĐTD không có bất cứ chứng cứ gì để chứng minh là bà ĐTTH đã nhận số tiền 4.440 USD của bà ĐTD. Bà ĐTTH cho biết bà không nhận số tiền 4.440 USD như bà ĐTD trình bày.

Theo bà được biết, tại bản khai ngày 11/8/2016 của ông NQC có nêu nội dung: Bà NVV có cho bà LMV mượn số tiền 9.500 USD vào năm 2013. Ông NQC có nhận giúp ông LMV số tiền bà Vân trả nợ là 63.509.000 đồng. Ông NQC đã giao số tiền này lại cho ông LMV.

Bà ĐTTH cho rằng khoản vay 9.500 USD giữa bà LMV với bà NVV vào năm 2013 không liên quan gì đến bà. Bởi lẽ đối tượng vay, số tiền vay, thời điểm vay khác nhau.

Nay bà đại diện cho bà ĐTTH yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà ĐTD có trách nhiệm trả lại cho bà ĐTTH số tiền 9.549,50 USD, tương đương 210.000.000 đồng (theo tỷ giá tại thời điểm cho vay là 22.000 đồng/USD). Bà ĐTTH yêu cầu bà ĐTD phải trả toàn bộ số tiền này một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là bà ĐTD trình bày:

Bà giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại bản tự khai và Biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 09/3/2021. Nay không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà khoản tiền lãi bà đã trả cho bà ĐTTH từ năm 2013 đến năm 2015 là 4.440 USD.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 60 /2021/DS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận A tuyên:

1. Tuyên bố Hợp đồng dân sự vay tài sản lập ngày 14/10/2015 giữa bà ĐTTH và bà ĐTD là vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà ĐTD.

Buộc bà ĐTD có nghĩa vụ hoàn trả cho bà ĐTTH số tiền đã nhận là 9.534,10 USD (tương đương 209.750.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 05 năm 2021, bị đơn bà ĐTD kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà ĐTD trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo:

Bà thừa nhận có vay của bà ĐTTH 10.000 USD (đô la Mỹ). Tuy nhiên, bà đã trả cho bà ĐTTH tổng cộng 8.980 USD, cụ thể:

Từ tháng 10/2013 đến tháng 4/2014, bà đã trả góp cho bà ĐTTH số tiền 370USD mỗi tháng. Từ tháng 5/2014 đến tháng 9/2014, theo yêu cầu của bà ĐTTH, chồng bà là LVT và con gái là LLH đã thay bà chuyển khoản cho ông NQC (là em ông NVV) số tiền 63.509.000 VNĐ. Số tiền này ông NQC thừa nhận đã nhận tại bản tự khai ngày 11/8/2016, sau đó ông NQC đã chuyển tiếp cho bà NVV(người sống như vợ chồng với bà ĐTTH).

Bà ĐTD đề nghị trưng cầu giám định âm thanh giọng nói của ông NQC trong đoạn ghi âm giữa bà với ông NQC để làm sáng tỏ nội dung vụ án, cụ thể từ tháng 10/2014 đến tháng 9/2015, bà đã chuyển khoản vào tài khoản cũa ông NQC số tiền 3.393 USD.

Hiện tại bà chỉ còn nợ bà ĐTTH số tiền 1.974USD (6 tháng x 329 USD).

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận A theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà là khấu trừ số tiền 8.980 USD mà bà đã trả cho bà ĐTTH.

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến.

Các đương sự không có phương án hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận A theo nội dung phát biểu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà ĐTD trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà ĐTD, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngoài khoản vay ngày 14/10/2015, bà ĐTD không có chứng cứ chứng minh về việc hai bên đã thực hiện giao dịch vay ngoại tệ có lãi trước thời điểm ký nhận nợ ngày 14/10/2015, cũng như không có chứng cứ chứng minh đã trả cho bà ĐTTH số tiền lãi như đã trình bày, cụ thể:

Đối với các chứng cứ do bà ĐTD cung cấp cho Tòa án chứng minh về việc hai bên có thỏa thuận về việc vay ngoại tệ có lãi và đã trả tiền cho bà ĐTTH từ năm 2013 đến 2015 như: "Giấy thỏa thuận" lập ngày 14.9.2013; Giấy ghi "Năm

thứ I.2013" xác định đã hoàn trả 12 tháng gốc với số tiền là 2.040 USD, số tiền còn lại là 7.960 USD; Giấy ghi "Năm thứ 2 từ 14/10/14", đây là các giấy tờ do bà ĐTD tự lập, không có nội dung thanh toán tiền nợ lãi cho bà ĐTTH và cũng không có xác nhận của bà ĐTTH về việc hai bên thanh toán cho nhau khoản tiền cụ thể nào;

Ngoài ra, bà ĐTD còn nộp bảng kê có chữ ký của ông THHM ký nhận của bà ĐTD hai lần với tổng số tiền 11.430.000 đồng (ngày 13/6/2015 nhận 6.730.000 đồng và ngày 30/6/2015 nhận 4.700.000 đồng) và bà ĐTTH ký nhận 1.000.000 đồng tiền đám ma (mặt sau bút lục số 72). Chữ ký trong giấy này đã được giám định đúng là chữ ký của ông HM và bà ĐTTH. Tuy nhiên, cũng như các chứng cứ khác thì nội dung trong giấy không thể hiện bà ĐTD thanh toán cho ông HM vì lý do gì.

Đối với khoản tiền 63.509.000 đồng (tương đương 2.886 USD), bà ĐTD cho rằng chồng bà là ông LVT và con gái bà là LLH đã thay bà chuyển cho ông NQC (người do bà ĐTTH chỉ định nhận tiền), trong số tiền này có 1.000 USD (khoảng 22.000.000 đồng) tiền nợ gốc và 1.886 USD tiền nợ lãi. Số tiền gốc đã được bà ĐTTH cấn trừ vào nợ cũ, còn tiền lãi không được cấn trừ, số tiền lãi này nằm trong phần tiền lãi 4.440 USD mà bà đã yêu trong đơn phản tố. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm ĐTDđề nghị giám định nội dung đoạn ghi âm giữa bà với ông NQC để làm rõ nội dung chuyển tiền giữa bà với ông NQC.

Xét thấy, khoản tiền này tuy có chứng từ sao kê của Ngân hàng thể hiện ông LVT và bà LLH đã chuyển cho ông NQC 63.509.000 đồng từ ngày 27/5/2014 đến ngày 27/10/2014, tức là chuyển trước khi bà ĐTD viết giấy nhận nợ với bà ĐTTH khoảng 1 năm. Trong các lần chuyển tiền thì người gửi không ghi nội dung chuyển, bà ĐTD không chứng minh được việc bà ĐTTH yêu cầu ĐTD chuyển tiền vào tài khoản của ông NQC để trả số nợ bà ĐTD vay, nay đại diện của bà ĐTTH xác định bà ĐTTH chưa từng nhận được khoản tiền nào do ông NQC chuyển lại vì bà ĐTTH không liên quan đến khoản tiền đó; ông NQC xác nhận: Ông có nhận được số tiền của ông LVT và bà LLH chuyển đến tài khoản của ông, nhưng đó là tiền của bà LMV (con gái bà Dung) chuyển trả cho bà NVV(là anh trai ông) do bà Vân đã vay của ông LMV trước đó, số tiền này không liên quan đến khoản vay giữa bà ĐTTH và bà ĐTD.

Bà LMV không thừa nhận việc có vay tiền của ông LMV nhưng thừa nhận có nhận được số tiền 9.500 USD do ông LMV chuyển cho bà năm 2013. Bà Vân cho rằng đây là số tiền bà ĐTTH nhờ ông LMV chuyển cho bà ĐTD thông qua tài khoản của bà do thời điểm đó bà ĐTTH đang chung sống với ông LMV tại Mỹ. Tuy vậy, bà ĐTD và bà LMV đều không có chứng cứ chứng minh số tiền bà Vân nhận được chính là số tiền bà ĐTTH cho bà ĐTD vay; cũng không có căn cứ xác định bà ĐTTH yêu cầu bà ĐTD chuyển tiền cho bà ĐTTH thông qua ông NQC và bà ĐTTH đã nhận số tiền đó từ ông NQC. Đối với khoản tiền này các đương sự nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giữ nguyên án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà ĐTD phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà ĐTD.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố Hợp đồng dân sự vay tài sản lập ngày 14/10/2015 giữa Bà ĐTTH và Bà ĐTD là vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà ĐTD.

Buộc Bà ĐTD có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà ĐTTH số tiền đã nhận là 9.534,10 USD (tương đương 209.750.000 đồng).

Kể từ ngày Bà ĐTTH có đơn yêu cầu thi hành án mà Bà ĐTD chưa thanh toán đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Bà ĐTD còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà ĐTD chịu 15.371.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.122.000 đồng theo biên lai thu số 0003640 ngày 04/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Bà ĐTD còn phải nộp thêm 14.249.000 đồng.

Hoàn trả cho Bà ĐTTH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0003095 ngày 31/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà ĐTD chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0038739 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

3.3. Chi phí giám định chữ ký là 4.500.000 đồng do bà ĐTD chịu. Bà ĐTD được nhận lại 5.500.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết Loan